| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN<br>TỈNH QUẢNG TRỊ | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 104/BC-HĐND | *Quảng Trị, ngày 06 tháng 12 năm 2021* |

# BÁO CÁO
## thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 6 - HĐND tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh; sau khi nghiên cứu 6 báo cáo, 19 tờ trình, 1 văn bản và 20 dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 6 - HĐND tỉnh, kết hợp tổ chức giám sát, khảo sát, hội nghị tham vấn với một số ngành, địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định một số nội dung như sau:

**Phần 1. Báo cáo tình hình KTXH năm 2021 và kế hoạch phát triển KTXH năm 2022** *(Báo cáo số 237/BC-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh)*

**I. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2021**

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đồng tình với nhận định, đánh giá của UBND tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 theo Nghị quyết số 83/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Năm 2021, tỉnh ta bên cạnh những thuận lợi cơ bản phải đối mặt nhiều khó khăn, thách thức, nhất là phải khắc phục hậu quả nặng nề của trận lũ lụt lịch sử cuối năm 2020 và đối phó với ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19. Song với khí thế của năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, quán triệt phương châm phương châm của Chính phủ là "*Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khát vọng phát triển*" và chủ đề năm đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định là *"Trách nhiệm, kỷ cương - thu hút đầu tư - tạo đà phát triển"*; đảng bộ, chính quyền các cấp, Nhân dân, doanh nghiệp toàn tỉnh đã nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức và đạt được những kết quả khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực: Có 21/24 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra; trong đó tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) ước đạt khoảng 21.202 tỷ đồng, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước *(Tăng trưởng cả nước là 3-3,5%)*; GRDP bình quân đầu người năm 2021 ước tính đạt 57,5 triệu đồng, đạt kế hoạch đề ra. Những kết quả nổi bật trên lĩnh vực kinh tế ngân sách đó là:

***Thứ nhất,*** sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực, cố gắng, phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban ngành, địa phương; các lực lượng tuyến đầu chống dịch và nhân dân, doanh nghiệp đã thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch chăm lo, bảo vệ sức khỏe và tính mạng của người dân; cố gắng mức cao nhất để bảo đảm các hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế đứt gãy chuỗi sản xuất, thực hiện mục tiêu kép vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế trong tình

hình mới đạt hiệu quả cao.

***Thứ hai,*** tỉnh đã tập trung khắc phục thiệt hại nặng nề của thiên tai năm 2020, tập trung tái thiết sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi được phục hồi và tăng trưởng mạnh, nông nghiệp được mùa toàn diện và duy trì tốc độ tăng trưởng, nông dân phấn khởi, nông thôn ổn định. Nông nghiệp tiếp tục khẳng định là trụ đỡ của nền kinh tế tỉnh nhà trong đại dịch Covid 19.

***Thứ ba,*** lĩnh vực xây dựng - công nghiệp tiếp tục phát triển, các dự án có quy mô lớn được khởi công xây dựng; các dự án điện gió đã phấn đấu thi công và hoàn thành trước 31/10 vận hành chạy thử, hòa lưới điện đóng góp vào tốc độ tăng trưởng.

***Thứ tư,*** lĩnh vực thương mại - dịch vụ tuy bị ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid - 19 nhưng hoạt động thương mại - dịch vụ vẫn tăng trưởng khá so với năm 2020. Hàng hóa thiết yếu bảo đảm nhu cầu của nhân dân trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, giá cả trên địa bàn tỉnh vẫn giữ mức ổn định.

***Thứ năm,*** thu hút vốn đầu tư xã hội tiếp tục tăng; kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2026 và vốn đầu tư công năm 2021 được triển khai chủ động, công khai, minh bạch ngay từ năm đầu của nhiệm kỳ, đáp ứng yêu cầu đầu tư để hoàn chỉnh dần kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

***Thứ sáu,*** thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt cao nhất trong các năm gần đây. Thu nội địa và thu xuất nhập khẩu đều có sự tăng trưởng. Công tác quản lý, điều hành ngân sách chặt chẽ; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên nguồn lực cho phòng chống dịch Covid-19, bảo đảm sức khỏe, an toàn cho nhân dân là trước hết, trên hết.

***Thứ bảy,*** công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường được chú trọng, đã hoàn thành quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để triển khai các dự án trọng điểm, các dự án thu hút đầu tư, các dự án đầu tư công được thực hiện bảo đảm đúng quy định của pháp luật. Mỏ đất làm vật liệu xây dựng được đưa vào quy hoạch để quản lý, khai thác. Việc đánh giá tổng thể tác động môi trường các dự án điện gió đang được khẩn trương triển khai thực hiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nền kinh tế của tỉnh vẫn còn gặp một số khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP ước đạt 6,5% so với năm 2020 là có sự bù đắp từ lĩnh vực công nghiệp, xây dựng; vốn đầu tư xã hội tăng có phần đột biến của các dự án điện gió đẩy nhanh tiến độ thi công để hưởng chính sách ưu đãi về giá; thu ngân sách trên địa bàn tăng nhưng thiếu bền vững, chủ yếu tăng từ sắc thuế nhập khẩu thiết bị điện gió, thuế bảo vệ môi trường, tăng thu từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất; thị trường bất động sản biến động mạnh, tiềm ẩn rủi ro cả trong thanh khoản, đầu tư và cả những vấn đề xã hội. Giải ngân vốn XDCB đạt thấp; quản lý, điều hành vốn ODA có những mặt bất cập; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp và lộ

trình sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công chưa được tập trung chỉ đạo quyết liệt.

Để phấn đấu đạt mức cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra theo kế hoạch năm, tạo sự chuyển biến tích cực thúc đẩy tăng trưởng, tăng tốc vào những tháng cuối năm, Ban Kinh tế - Ngân sách kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo quyết liệt thực hiện phòng chống dịch Covid - 19 hiệu quả, bảo đảm sức khỏe cho nhân dân; khẩn trương thực hiện các phương án phục hồi kinh tế; hỗ trợ người lao động, nhất là số lao động từ các địa phương khác trở về; tạo điều kiện và hỗ trợ giải quyết khó khăn để doanh nghiệp trở lại hoạt động với công suất cao nhất có thể; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư XDCB. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh: Tiến độ thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước địa phương theo kế hoạch được phê duyệt trong năm 2021; Kết quả thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh. Trong đó các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp, dành khoảng 15% - 20% diện tích có khả năng canh tác giao lại cho địa phương để giải quyết đất sản xuất cho nhân dân; tình hình thực hiện vùng nuôi, trồng tập trung tích hợp vào quy hoạch tỉnh và quy hoạch vùng cấp huyện gắn với nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, tạo sản phẩm hàng hóa lớn, tham gia chuỗi giá trị để thu hút kêu gọi đầu tư.

**II. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022**

- Năm 2022, dự báo tình hình dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, có thể kéo dài, khả năng phải chấp nhận sống chung, lâu dài với dịch bệnh; kinh tế dự báo còn tiềm ẩn rủi ro nhưng vẫn tiếp tục phục hồi, thương mại dịch vụ sẽ được tăng trưởng trở lại; công nghiệp, xây dựng sẽ duy trì tốc độ phát triển khi dòng vốn đầu tư công được khơi thông, thu hút đầu tư và vốn đầu tư xã hội duy trì phát triển; các dự án công nghiệp đi vào hoạt động làm gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp, nên mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2022 đặt ra: 6,5-7% là có cơ sở để phấn đấu, thực hiện. Tuy nhiên, Ban Kinh tế - Ngân sách kiến nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định **mức phấn đấu 7% so với năm 2021**; GRDP bình quân đầu người 65-66 triệu đồng; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 68,3% để đảm bảo phù hợp lộ trình tăng trưởng bình quân chung 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết HĐND tỉnh đã quyết định.

***- Về nhiệm vụ, giải pháp:*** Ban kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với 11 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo báo cáo của UBND tỉnh và kiến nghị HĐND tỉnh xem xét, bổ sung thêm một số nhiệm vụ, giải pháp để hiện thực hóa phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7% so với năm 2021 đó là: Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, Khu công nghiệp, Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và phát triển đô thị. Hoàn thành quy hoạch chung tỉnh Quảng Trị trong năm 2022; Quy hoạch vùng cấp huyện, phê duyệt và thực hiện quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Quảng Trị. Tập trung thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển KTXH, nhưng

cần phải căn cứ vào tình hình thực tế và địa bàn cụ thể để lựa chọn phương án ưu tiên gắn với thực hiện hiệu quả chiến lược tổng thể về phòng, cống dịch Covid-19 của Quốc gia; tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; xử lý hiệu quả những vấn đề tồn đọng kéo dài, đặc biệt đối với các dự án được cấp chủ trương đầu tư kéo dài không triển khai để tìm kiếm nguồn lực đầu tư mới; đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế số, xã hội số. Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới DNNN, đơn vị sự nghiệp công lập; thúc đẩy phát triển mạnh thị trường thương mại nội địa; đổi mới sáng tạo, tăng cường ứng dụng KHCN; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh công nghiệp xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ; thực hiện các chính sách địa phương trên lĩnh vực kinh tế ngân sách được HĐND tỉnh ban hành trong kỳ họp này để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

**Phần 2. Về ngân sách**

**I. Báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2020** *(Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 16/11/2021 và Báo cáo số 217/TTr-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

- Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng: 11.967.959 triệu đồng;
- Tổng chi ngân sách địa phương: 11.912.077 triệu đồng;
- Cân đối ngân sách địa phương: 55.882 triệu đồng, gồm:

+ Trả nợ vay ngân sách địa phương từ nguồn kết dư cấp tỉnh: 23.000 triệu đồng;

+ Kết dư ngân sách tỉnh: 5.526 triệu đồng;

+ Kết dư ngân sách cấp huyện: 12.580 triệu đồng;

+ Kết dư ngân sách cấp xã: 14.776 triệu đồng.

Quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2020 đã được Kiểm toán nhà nước kiểm toán, kết luận và đã được đối chiếu số liệu với Kho bạc Nhà nước tỉnh; đề nghị HĐND tỉnh phê chuẩn.

**II. Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh năm 2020** *(Báo cáo số 216/BC-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh)*

- Tổng tài sản nhà nước tỉnh tại thời điểm 31/12/2020 là 23.296,78 tỷ đồng.
- Tổng số nợ phải trả là 738,33 tỷ đồng. Trong đó, nợ chính quyền địa phương là 109,83 tỷ đồng.
- Tổng nguồn vốn là 22.522,96 tỷ đồng.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo bố trí các khoản nợ phải trả theo lộ trình cam kết bảo đảm đúng quy định.

**III. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP năm 2021 và dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP năm 2022** *(Báo cáo*

*số 218/BC-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh).*

**1. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP năm 2021**

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện đến 31/12/2021 là 5.080,388 tỷ đồng/DT 3.450 tỷ đồng, ước đạt 147% dự toán địa phương và 178% dự toán Trung ương. Trong đó: Thu nội địa 3.668,84 tỷ đồng/DT 2.970 tỷ đồng, đạt 124% dự toán địa phương và 154% dự toán Trung ương.

- Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện đến 31/12/2021 là 12.020,292 tỷ đồng/DT 9.161,970 tỷ đồng, ước đạt 131% dự toán địa phương và 140% dự toán Trung ương, bằng 100% so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2021, UBND tỉnh đã chủ động chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý thuế, động viên và phát triển nguồn thu, tăng số thu ngân sách. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn. Đồng thời, việc thực hiện một số chính sách của Nhà nước về miễn, giảm thuế và một số khoản thu ngân sách khác nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người nộp thuế bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã làm giảm nguồn thu về thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, số thu từ hộ sản xuất kinh doanh. Trong năm có một số khoản thu phát sinh đột biến, góp phần tăng thu NSNN. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và các khoản thu phát sinh tăng đột biến, thu nội địa năm 2021 chỉ tăng 6% so với dự toán HĐND tỉnh giao.

Về công tác điều hành, quản lý chi ngân sách đã bám sát các quy định của Nhà nước và nghị quyết của HĐND tỉnh, đảm bảo chặt chẽ, đúng chế độ quy định, tiết kiệm, hiệu quả. Các nhiệm vụ chi ngân sách được đảm bảo theo dự toán và tiến độ triển khai thực hiện của các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách; đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phòng chống dịch Covid - 19 và một số nhiệm vụ cấp thiết phát sinh ngoài dự toán; đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội.

**2. Dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP năm 2022**

- Tổng thu NSNN trên địa bàn: 4.125,5 tỷ đồng. Trong đó, thu nội địa 3475,5 tỷ đồng, thu XNK 650 tỷ đồng. Dự toán thu bảo đảm tỷ lệ tăng thu theo quy định và có giảm trừ các yếu tố tăng đột biến của năm 2021. Trong nguồn thu nội địa có dự kiến thu tiền sử dụng đất 1.130 tỷ đồng *(cấp tỉnh 717 tỷ đồng; cấp huyện 413 tỷ đồng)*; thu xổ số kiến thiết 40 tỷ đồng.

- Về dự toán chi NSĐP năm 2022: 9.430,08 tỷ đồng.

Dự toán chi NSĐP đã được thảo luận thống nhất với các đơn vị, các cấp ngân sách; chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ theo mức độ quan trọng, cấp thiết; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu bố trí dự toán.

Cơ bản bố trí đúng theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ chính sách của nhà nước và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

**3. Kiến nghị, đề xuất**

Ban Kinh tế - Ngân sách kiến nghị HĐND tỉnh thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2021 và dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP năm 2022 theo đề nghị của UBND tỉnh tại Báo cáo số 218/BC-UBND ngày 16/11/2021.

**IV. Phê chuẩn kế hoạch tài chính 5 năm tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025** *(Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 16/11/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh).*

- Tổng thu NSNN giai đoạn 2021-2025 là 22.750 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa 19.670 tỷ đồng và tăng bình quân hàng năm là 10-12%/năm; bảo đảm tốc độ tăng thu theo Kết luận Hội nghị lần thứ 7, BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVII về kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Trị.

- Tổng chi ngân sách địa phương 49.413,691 tỷ đồng. Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương 38.937,087 tỷ đồng; chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ và các chương trình mục tiêu ngân sách trung ương hỗ trợ 9.832,442 tỷ đồng.

- Vay và trả nợ gốc, lãi, phí các khoản vay của ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025:

+ Tổng số vay của ngân sách địa phương 881,818 tỷ đồng.

+ Tổng số trả nợ gốc 125,62 tỷ đồng.

+ Chi trả lãi, phí các khoản vay 74,46 tỷ đồng.

- Bội chi ngân sách địa phương hằng năm phù hợp với dự toán Quốc hội, Chính phủ giao.

Sau khi được chủ tọa kết luận, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bằng nghị quyết để tổ chức thực hiện.

**V. Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022 - 2025** *(Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 16/11/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh).*

Nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025 cơ bản đã khắc phục những vướng mắc và kế thừa những mặt tích cực của phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2021 quy định tại Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung của HĐND tỉnh; đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với các nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách. Trong đó, bổ sung quy định đối với nguồn cải cách tiền lương từ tăng thu ngân sách hàng năm của các huyện, thành phố, thị xã: Sau khi các huyện, thành phố, thị xã sử dụng để cải cách tiền lương, nếu còn dư phải nộp về ngân sách cấp tỉnh

để thực hiện cải cách chính sách tiền lương và bảo đảm các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định pháp luật hiện hành. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, trường hợp ngân sách các huyện, thành phố, thị xã có phát sinh nguồn thu từ các công trình, dự án mới đi vào hoạt động, làm ngân sách huyện, thành phố, thị xã tăng thu lớn *(trên 30% dự toán HĐND tỉnh giao, không bao gồm thu tiền sử dụng đất)* thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp tỉnh. UBND tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế trình HĐND tỉnh quyết định số tăng thu về ngân sách cấp tỉnh và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**VI. Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2022, ổn định đến năm 2025** *(Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 16/11/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)*

Việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSĐP năm 2022, ổn định đến năm 2025 là phù hợp với quy định của Luật Ngân sách năm 2015; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với khả năng cân đối NSĐP và đảm bảo tính kế thừa những mặt tích cực của định mức chi thường xuyên NSĐP năm 2017 tại Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND và các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung của HĐND tỉnh; làm căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ dự toán cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh, quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2022, ổn định đến năm 2025. Trong đó, nâng định mức phân bổ theo các tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên từ 10%-30% so với Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Việc tăng định mức chi hành chính, hoạt động sự nghiệp dựa trên đánh giá định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017, đề xuất của các sở, ban ngành, địa phương và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh để điều chỉnh tăng *(có tính ưu tiên cho ngân sách cấp xã)*. Nếu trong một vài năm tới nguồn thu của tỉnh đạt mức cao hơn, đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh tăng thêm mức chi để đáp ứng nhiệm vụ chi của địa phương. Đối với nội dung chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo, tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa 83% và tối thiểu 17% chi thường xuyên *(chi khác)* để chi hoạt động có tính chất thường xuyên cho công tác giảng dạy, học tập và các khoản chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên *(chi khác theo lương cơ sở 1.490.000 đồng)* đã được thảo luận thống nhất giữa các địa phương và ngành giáo dục, đề nghị HĐND tỉnh thống nhất quy định này.

**VII. Chủ trương mua sắm thiết bị dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới dành cho lớp 6 các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng**

**Trị năm 2021** *(Tờ trình số 219/TTr-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Việc quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ 20 tỷ đồng trở lên là thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh. Để tạo điều kiện cho Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác giảng dạy, Ban Kinh tế - Ngân sách kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương mua sắm thiết bị dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới dành cho lớp 6 các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2021 với số tiền 22.717.281.000 đồng từ nguồn dự toán chi sự nghiệp giáo dục.

**VIII. Xử lý nguồn tăng thu thuế vãng lai ngoại tỉnh năm 2021 từ các dự án điện gió trên địa bàn huyện Hướng Hóa** *(Văn bản số 5939/UBND-TM ngày 06/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Việc đề nghị HĐND tỉnh xử lý nguồn tăng thu thuế vãng lai ngoại tỉnh năm 2021 từ các dự án điện gió trên địa bàn huyện Hướng Hóa phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 9 Luật NSNN năm 2015; khoản 3, Điều 1 Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính và tình hình thực tế của địa phương. Cụ thể:

- Thu về ngân sách cấp tỉnh nguồn thu thuế vãng lai ngoại tỉnh của các dự án điện gió làm ngân sách huyện Hướng Hóa năm 2021 tăng thu lớn *(sau khi rà soát đảm bảo cân đối dự toán được cấp có thẩm quyền giao cho huyện Hướng Hóa).*

- Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu một phần kinh phí cho huyện Hướng Hóa để thực hiện di dời khẩn cấp, tái định cư cho nhân dân có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất các xã trên địa bàn huyện; đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương trên cơ sở đề xuất cụ thể từng nhiệm vụ chi, hạng mục công trình cụ thể của UBND huyện Hướng Hóa. Mức hỗ trợ bổ sung có mục tiêu cho huyện Hướng Hoá là 30% nguồn thu thuế vãng lai ngoại tỉnh của các dự án điện gió ngân sách huyện hưởng được thu về ngân sách cấp tỉnh năm 2021.

- Kết thúc năm ngân sách 2021, giao UBND tỉnh xác định khoản tăng thu thuế vãng lai của các doanh nghiệp ngoại tỉnh từ các dự án điện gió trên địa bàn huyện Hướng Hóa để thu về ngân sách cấp tỉnh năm 2021; Đồng thời xây dựng phương án sử dụng số tăng thu ngân sách tỉnh năm 2021 theo quy định Luật NSNN *(bao gồm số bổ sung có mục tiêu cho huyện Hướng Hoá từ 30% nguồn thu thuế vãng lai ngoại tỉnh của các dự án điện gió ngân sách huyện hưởng được thu về ngân sách cấp tỉnh năm 2021)* trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thông qua nghị quyết cá biệt để tổ chức thực hiện.

**Phần 3. Về đầu tư công**

**I. Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án**

**1. Dự án Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1** *(Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh)*

Dự án xây dựng tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1, nhằm kết nối Cảng hàng không với hệ thống giao thông trong khu vực, góp phần phát huy hiệu quả đầu tư dự án Cảng hàng không, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tổng mức đầu tư 89.689 triệu đồng, cơ cấu nguồn vốn ngân sách tỉnh; địa điểm xây dựng tại Xã Thanh An, huyện Cam Lộ; xã Gio Quang, huyện Gio Linh; thời gian thực hiện năm 2022 - 2025. UBND tỉnh chỉ triển khai thực hiện dự án khi nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án Cảng hàng không Quảng Trị.

**2. Dự án Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1** *(Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh).*

Việc đầu tư dự án nhằm hoàn thiện mạng lưới giao thông của tỉnh, kết nối đường đầu cầu phía Nam với trung tâm thành phố Đông Hà, hình thành trục đường huyết mạch kết nối 2 bờ Nam - Bắc sông Hiếu, làm động lực phát triển cho thành phố Đông Hà sớm trở thành đô thị loại II; tổng mức đầu tư 175.000 triệu đồng, từ nguồn vốn ngân sách tỉnh; địa điểm xây dựng Thành phố Đông Hà; thời gian thực hiện năm 2022- 2026.

**Nội dung 02 tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư trên phù hợp với nhu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đã có trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, thành phố đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và UBND tỉnh đã thống nhất cập nhật để bổ sung quy hoạch mạng lưới giao thông của tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua.**

**II. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương** *(Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh).*

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư 02 dự án trên đây. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo đề nghị của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

- Dự án Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1 với số vốn 89.689 triệu đồng[1] từ kế hoạch dự phòng (10%) nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí *(Giao chi tiết danh mục tại A.I Biểu số 01 Nghị*

---

[1] Căn cứ Thông báo số 170-TB/TU ngày 06/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Trị kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện các dự án Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng và Cảng hàng không Quảng Trị "*Đồng ý chủ trương bố trí 90 tỷ đồng ngân sách địa phương để đầu tư tuyến đường kết nối Cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1A. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ có liên quan để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định bố trí nguồn dự phòng ngân sách địa phương kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để thực hiện dự án*".

*quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh).*

- Dự án Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu - giai đoạn 1 với số vốn 80.000 triệu đồng từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất ở *(Giao chi tiết danh mục tại A.I.3.c Biểu số 05 Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh).*

**III. Thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và kế hoạch đầu tư công năm 2022** *(Báo cáo số 230/BC-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh)*

**1. Tình hình phân bổ và giải ngân vốn đầu tư XDCB năm 2021**

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất kết quả đánh giá tình hình thực hiện và tiến độ giải ngân vốn đầu tư XDCB năm 2021 do tỉnh quản lý; là năm đầu thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng do giao kế hoạch vốn muộn làm ảnh hưởng lớn đến tình hình giải ngân các nguồn vốn[2]. Tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn đạt thấp; một số dự án, nguồn vốn không có khả năng thực hiện dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công do tỉnh quản lý[3].

Kế hoạch đầu tư công năm 2021 sau điều chỉnh còn 3.525,277 tỷ đồng[4], bằng 96,8% so với kế hoạch giao đầu năm 3.640,615 tỷ đồng. Tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đến ngày 15/11/2020 là 1.544,857 tỷ đồng, đạt 52,5% so với kế hoạch UBND tỉnh phân bổ[5].

Trong điều kiện khó khăn UBND tỉnh đã chủ động đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021 do tỉnh quản lý; kịp thời rà soát và báo cáo HĐND tỉnh thống nhất thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn của các công trình, dự án kế hoạch 2021 trong nội bộ nguồn vốn đảm bảo theo đúng các quy định tại Luật Đầu tư công[6]; công tác thẩm định chủ trương đầu tư, quản lý đấu thầu và giám

---

[2] Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đến cuối tháng 7 mới được Quốc hội thông qua và được Thủ tướng Chính phủ giao vào ngày 15/9/2021. Theo đó các dự án khởi công mới năm 2021 phân bổ vốn muộn, gần bước vào mùa mưa bão nên ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công và giải ngân. Mặt khác, theo quy định của pháp luật xây dựng, các dự án khởi công mới khi được bố trí vốn mới triển khai các thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán công trình, đảm bảo điều kiện để tổ chức đấu thầu thi công (ngay cả dự án không vướng mắc trong công tác đền bù, GPMB) nên mất khá nhiều thời gian để có khối lượng, tạo áp lực thanh toán và giải ngân cho thời điểm cuối năm.

[3] Điều chỉnh giảm 110,438 tỷ đồng từ nguồn thu tại các khu đất giao cho doanh nghiệp và 4,7 tỷ đồng từ nguồn xổ số kiến thiết do dự kiến không thu đạt theo kế hoạch giao đầu năm. Đồng thời, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính giảm 730,538 tỷ đồng vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm.

[4]Cụ thể: Vốn cân đối ngân sách địa phương là 1.348,572 tỷ đồng; Vốn ngân sách Trung ương là 2.176,705 tỷ đồng.

[5]Cụ thể tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn như sau: Ngân sách địa phương: 876,253 tỷ đồng, đạt 65,8% kế hoạch UBND tỉnh phân bổ và đạt 65% kế hoạch HĐND tỉnh giao; Ngân sách Trung ương: 668,604 tỷ đồng, đạt 41,5% kế hoạch UBND tỉnh phân bổ và đạt 30,7% kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó: (1) vốn trong nước giải ngân đạt 60,4% kế hoạch UBND tỉnh phân bổ và 51,9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; (2) vốn nước ngoài giải ngân đạt 16,8% kế hoạch UBND tỉnh phân bổ và 10,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

[6]- Nguồn vốn ngân sách địa phương: thực hiện 08 đợt điều chỉnh nội bộ với tổng số vốn điều chỉnh là 164.421 triệu đồng; trong đó, căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15 ngày 06/8/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép Chính phủ ban hành Nghị quyết có một số nội dung khác với quy định của pháp luật để đáp ứng yêu cầu của phòng, chống dịch dịch COVID-19, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII phiên họp thứ 8 đã quyết định điều chỉnh nội bộ 13.995 triệu đồng nguồn vốn ngân sách địa phương tại Nghị quyết số 296/NQ-HĐND ngày 8/10/2021

sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện đảm bảo đúng qui định[7]. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung:

- Tình hình, tiến độ thực hiện các dự án ODA từ nguồn vốn vay, vay lại chính phính phủ và các tổ chức tiền tệ quốc tế; khả năng cân đối theo tiến độ trả lãi vay, nợ đến hạn phải trả như đã cam kết; tiến độ thực hiện các dự án ODA trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

- Lý do UBND tỉnh tạm dừng đầu tư Dự án Vỉa hè đường Hùng Vương *(đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ)* đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 21/04/2020.

**2. Dự kiến phân bổ các nguồn vốn đầu tư kế hoạch 2022**

Kế hoạch đầu tư công năm 2022 phù hợp với định hướng của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và khả năng cân đối nguồn ngân sách do tỉnh quản lý, nhu cầu đầu tư của địa phương.

**2.1. Về nguyên tắc**

Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công năm 2022 phù hợp với nguyên tắc phân bổ quy định tại kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021.

**2.2. Phương án phân bổ chi tiết các nguồn vốn**

*** Nguồn vốn Trung ương**

***- Đối với nguồn vốn trong nước:*** 1.048 tỷ đồng để bố trí 320 tỷ đồng cho Dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1); 728 tỷ đồng cho 34 dự án đầu tư theo ngành, lĩnh vực, trong đó: (1) 123,336 tỷ đồng cho 08 dự án hoàn thành trong năm 2022 theo đúng tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) 297,164 tỷ đồng cho 13 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021 theo tiến độ và thời gian bố trí vốn theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công; (3) 307,5 tỷ đồng cho 13 dự án khởi công mới.

***- Đối với nguồn vốn nước ngoài:*** 692,02 tỷ đồng, bố trí theo cam kết. Ngoài ra tỉnh đã kiến nghị Trung ương xem xét, bổ sung vốn nước ngoài nguồn NSTW kế hoạch năm 2022[8] cho 02 dự án ODA với tổng nhu cầu là 68,22 tỷ

---

- Nguồn vốn ngân sách trung ương: thực hiện 05 đợt điều chỉnh nội bộ với tổng số vốn điều chỉnh là 147.922 triệu đồng;
- Nguồn vốn nước ngoài: thực hiện 01 đợt điều chỉnh nội bộ với tổng số vốn điều chỉnh là 25.366 triệu đồng.

[7] Kết quả tổ chức đấu thầu qua mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã có sự cải thiện đáng kể, góp phần đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả trong đấu thầu. Theo thống kê của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong 10 tháng năm 2021, trên địa bàn tỉnh tỷ lệ về số lượng gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng đạt 89% (332/373 gói thầu) và tỷ lệ về giá trị gói thầu thực hiện đấu thầu qua mạng đạt 55,5% (885,72/1.595,78 tỷ đồng), vượt chỉ tiêu của Nghị quyết 01/NQ-CP và Thông tư số 11/2019/ TT-BKHĐT đề ra (*tối thiểu 70% số lượng gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh và tổng giá trị gói thầu đạt tối thiểu 35% tổng giá trị các gói thầu được đấu thầu qua mạng*); đây là một bước tiến rất lớn trong quản lý đầu tư công.

[8] Ngoài số vốn đã thông báo dự kiến tại văn bản số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021)

đồng *(cụ thể: Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM), tỉnh Quảng Trị 60 tỷ đồng và Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG), tỉnh Quảng Trị 8,22 tỷ đồng).*

*** Nguồn vốn địa phương:** 1.718,91 tỷ đồng[9], trong đó nguồn XDCB tập trung 396,11 tỷ đồng; nguồn thu sử dụng đất 1.130 tỷ đồng[10]; nguồn thu xổ số kiến thiết 40 tỷ đồng; nguồn bội chi ngân sách địa phương là 152,8 tỷ đồng.

Việc đề nghị bố trí vốn cho các lĩnh vực, ngành, địa phương phù hợp với các Nghị quyết của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công thuộc tỉnh quản lý; kế hoạch đầu tư công nguồn vốn tỉnh quản lý và cơ chế chính sách tạo vốn xây dựng CSHT của tỉnh.

**2.3 Giải pháp tổ chức thực hiện**

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất các nhóm giải tại Báo cáo số 230/BC-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh trình kỳ họp và đề xuất một số nội dung sau:

Năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh có kế hoạch tổ chức 04 kỳ họp, dự kiến thời gian trong các tháng 3, 7, 10 và 12. Đối với các nội dung điều chuyển vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động rà soát và kịp thời trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua tương ứng với các mốc thời gian tổ chức kỳ họp như đã dự kiến. Hội đồng nhân dân tỉnh không quy định thời gian và tỷ lệ giải ngân vốn XDCB. UBND tỉnh chủ động điều hành theo thẩm quyền.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đặc biệt là khu vực biên giới các tuyến đường được đầu tư từ nhiều nguồn vốn và do các chủ đầu tư khác nhau thực hiện nhưng chưa có đơn vị đầu mối duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa dẫn đến công trình nhanh xuống cấp và gây ách tắc giao thông khi có sự cố nhất là trong mùa mưa lũ. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cho các đơn vị trực tiếp quản lý các tuyến đường sau đầu tư để nâng cao hiệu quả đầu tư và khái thác.

**IV. Sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công an tỉnh; xây dựng trụ sở làm việc khối Cảnh sát; xây dựng lực lượng và cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy** *(Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 17/11/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)*

---

[9] Theo Văn bản số 6926/BKHĐT-TH ngày 11/10/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022: nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh là 1.238,91 tỷ đồng, trong đó: XDCB vốn tập trung trong nước là 396,11 tỷ đồng; nguồn thu sử dụng đất là 650 tỷ đồng; nguồn thu xổ số kiến thiết là 40 tỷ đồng; nguồn bội chi ngân sách địa phương là 152,8 tỷ đồng.

[10] Tăng 480 tỷ đồng trong đó dự kiến thu từ các dự án sau: (i) Khu thương mại dịch vụ Nam Đông Hà sẽ hoàn thành công tác đấu giá, dự kiến thu khoảng 430 tỷ đồng; (ii) Giá đấu đất trên địa bàn tỉnh đã tăng lên rất nhiều so với các năm trước; (iii) Một số khu đất đã được đầu tư hoàn thiện hạ tầng đủ điều kiện đưa vào đấu giá như khu đô thị Bắc sông Hiếu; khu đô thị Đông Thành Cổ, thành phố Đông Hà; (iv) kết quả đấu giá đất cấp huyện năm 2021 vượt kế hoạch đề ra.

**1. Về nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục**

- Việc đề nghị phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công an tỉnh không thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh được quy định tại Điều 5, 6 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Để có cơ sở trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, đảm bảo điều kiện làm việc của lực lượng công an khối Cảnh sát, Công an xã chính quy; Bộ Công An đã có văn bản đồng ý chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; trong thời gian chờ thực hiện các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất do Bộ Công an quản lý, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh chỉ thống nhất thông qua Nghị quyết ***"Phương án tạo nguồn vốn đối ứng cho các dự án: Xây dựng trụ sở làm việc khối Cảnh sát; trụ sở làm việc cho Công an xã chính quy"*** theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 17/11/2021.

- Thẩm quyền bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với cơ sở nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018.

**2. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất**

Đối với 8 cơ sở nhà đất[11] dự kiến giá khởi điểm của khoảng 230 tỷ đồng để thực hiện đầu tư xây dựng trụ sở khối cảnh sát 125 tỷ đồng và 98 trụ sở làm việc cho Công an xã 98 tỷ đồng theo quy định tại khoản điểm a, khoản 16, Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017 ngày 31/12/2017 của Chính phủ[12] và đến nay chưa có phương án bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh đối với 98 trụ sở làm việc cho Công an xã theo quy định của Luật đất đai 2013 và các

---

[11] Gồm: Trụ sở Khối Cảnh sát tại Km2, Quốc lộ 9, phường1, thành phố Đông Hà; Trại tạm giam (vị trí cũ) tại Khu phố 1, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà; Trụ sở đội đăng ký xe Công an TP. Đông Hà tại số 184 QL1A, phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà; Trụ sở làm việc Công an huyện Triệu Phong (vị trí cũ) tại số 240 Lê Duẩn, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong; Kho vật chứng, Nhà tạm giữ Công an huyện Triệu Phong (vị trí cũ) tại Đường Lê Quý Đôn, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong; Trụ sở làm việc Công an huyện Vĩnh Linh (vị trí cũ) tại Đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh; Đồn Công an thị trấn Cửa Tùng tại xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh; Trụ sở Công an huyện Gio Linh (vị trí cũ) tại Quốc lộ 1A, thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh.

[12] Chi đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương trên cơ sở ý kiến của chủ tài khoản tạm giữ về nguồn tiền sử dụng cho dự án đầu tư phù hợp với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

quy định khác có liên quan.

**3. Kiến nghị HĐND tỉnh**

- Đề nghị UBND tỉnh báo cáo phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh đối với 98 trụ sở làm việc cho Công an xã theo quy định của Luật đất đai 2013 và các quy định khác có liên quan. Xem xét tính toán việc xây dựng trụ sở làm việc cho công an xã chính quy nằm trong tổng thể hệ thống trụ sở làm việc của Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMT, các Tổ chức chính trị xã hội của xã, thị trấn để tiết kiệm nguồn lực tài chính và quỹ đất cho địa phương.

- Thống nhất tên gọi nghị quyết: ***"Phương án tạo nguồn vốn đối ứng cho các dự án: Xây dựng trụ sở làm việc khối Cảnh sát; trụ sở làm việc cho Công an xã chính quy".***

Nội dung: Chỉ thống nhất thông qua phương án tạo nguồn đối ứng cho các dự án: 50% giá trị xây dựng trụ sở làm việc khối Cảnh sát *(tương ứng 125 tỷ đồng);* 1/3 giá trị xây dựng trụ sở Công an xã *(tương ứng 01 tỷ đồng/01 xã x 98 xã = 98 tỷ đồng)* từ nguồn vốn bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các cơ sở nhà, đất khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với nhà, đất thuộc Bộ Công an quản lý theo hình thức chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư ***"Xây dựng trụ sở làm việc khối Cảnh sát; trụ sở làm việc cho Công an xã chính quy".*** Thời gian tiến độ thực hiện: 2022-2025 theo lộ trình đã được UBND tỉnh đề nghị tại Tờ trình số 229/TTr-UBND ngày 17/11/2021.

Sau khi UBND tỉnh có báo cáo giải trình, được chủ tọa kết luận, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bằng nghị quyết cá biệt để tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

**Phần 4. Các chính sách địa phương thuộc thẩm quyền quyết định HĐND tỉnh**

**I. Quy định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị** *(Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 19/11/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)*

**1. Tính phù hợp và sự cần thiết**

Quy định khu vực nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phù hợp với quy định của với quy định của Luật Chăn nuôi năm 2018, Luật Thú y năm 2015, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược

phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 và Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và tình hình thực tế địa phương; đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn và UBND các huyện thị xã, thành phố.

**2. Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ:** Chỉ hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi khi thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi đến khu vực được phép chăn nuôi đảm bảo các điều kiện chăn nuôi theo quy định.

**3. Về nội dung, quy định và mức hỗ trợ:** Thống nhất nội dung, quy mô, kinh phí thực hiện. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh: Hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi: Đối với chăn nuôi quy mô nông hộ, mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ. Đối với trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ, mức hỗ trợ 6.000.000 đồng/trang trại. Đối với trang trại chăn nuôi quy mô vừa, mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/trang trại. Đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn, mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/trang trại.

**II. Quy định về số lượng và chế độ chính sách đối với nhân viên khuyến nông và nhân viên thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị** *(Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 17/11/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)*

**1. Tính phù hợp và sự cần thiết**

Việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành quy định về số lượng và chế độ chính sách đối với nhân viên khuyến nông và nhân viên thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là rất cần thiết; phù hợp quy định của Luật thú y năm 2015; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; Thông tư số 04/2009/TT-BNN ngày 21/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn công tác trên địa bàn cấp xã, NVKN và NVTY và tình hình hình thực tế của địa phương. Đã lấy ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính; được Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh..., UBND cấp huyện về tính phù với các quy định hiện hành.

**2. Điều kiện và nguyên tắc:** Việc xác định nhân viên khuyến nông và thú y cấp xã sử dụng nguồn chi trả phụ cấp và hỗ trợ từ ngân sách địa phương; ngân sách Trung ương khoán chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ và Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ, khu phố; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị-xã hội cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

**3. Về nội dung và quy định**

Đề phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định hướng dẫn thi hành Luật NSNN năm 2015; ý kiến trả lời của Bộ Nội vụ tại Công văn số 5281/BNV-CQĐP ngày 21/10/2021 và Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND tỉnh về thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị:

- Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ quy định về số lượng, mức hỗ trợ hàng tháng và ngân sách bố trí cho nhân viên khuyến nông và nhân viên thú y như sau:

+ Nhân viên nhân viên thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với số lượng 126 người; mức hỗ trợ kinh phí hàng tháng bố trí cho người làm nhiệm vụ thú y cấp xã/ phường/ thị trấn hàng tháng bằng 1,15 mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ. Giao cho UBND tỉnh phân cấp tuyển chọn, bố trí, quản lý phù hợp nhằm giúp chính quyền cấp xã, phường, thị trấn thực hiện nhiệm vụ thú y cơ sở theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Luật thú y năm 2015; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật thú y và quy định chuyên môn của ngành nông nghiệp.

+ Nhân viên khuyến nông xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với số lượng 121 người; mức hỗ trợ kinh phí hàng tháng bố trí cho người làm nhiệm vụ khuyến nông cấp xã/ phường/ thị trấn bằng hệ số 1,15 mức lương cơ sở do Chính phủ quy định; Giao cho UBND tỉnh phân cấp tuyển chọn, bố trí, quản lý phù hợp nhằm giúp chính quyền cấp xã, phường, thị trấn thực hiện nhiệm vụ khuyến nông cơ sở theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông và điểm 4 mục II phần II Thông tư 04/2009/TT-BNN ngày 21/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Việc bố trí nhân viên khuyến nông và thú y không thuộc đối tượng là người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ và Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**4. Kiến nghị:** Sau khi được chủ tọa kết luận, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bằng nghị quyết quy phạm pháp luật để tổ chức thực hiện và thay thế Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 của HĐND tỉnh về mạng lưới khuyến nông và thú y cơ sở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020

**III. Chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030** *(Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 19/11/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh).*

**1. Tính phù hợp và sự cần thiết:** Trên cơ sở các chính sách hỗ trợ của tỉnh trong giai đoạn 2017 - 2020, đã hỗ trợ đầu vào sản xuất các cây trồng, con nuôi

có tính chất mô hình phát huy được hiệu quả, khẳng định có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh. Việc lựa chọn, đề nghị tiếp tục ban hành các chính sách hỗ trợ cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp lần này là khẳng định lại hiệu quả của việc ban hành chính sách của tỉnh về một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh; để khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, hộ gia đình, cá nhân tham gia phát triển sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng các dịch vụ có liên quan đến cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh của tỉnh hướng đến mục tiêu nông nghiệp phát triển, nông thôn đổi mới. Ưu tiên hỗ trợ vùng nuôi, trồng tập trung theo quy hoạch, tạo ra quy mô hàng hóa lớn hơn, có tính liên kết gắn với công nghiệp chế biến, bao tiêu sản phẩm, tham gia chuỗi giá trị.

**2. Điều kiện và nguyên tắc quy định:** Thống nhất các nội dung quy định do UBND tỉnh trình tại kỳ họp; riêng đối với con tôm, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh ưu tiên bố trí vùng nuôi phù hợp và chỉ hỗ trợ, nhân rộng vùng nuôi tập trung theo quy hoạch, sản xuất có hiệu quả về kinh tế, đảm bảo môi trường.

**3. Về tên gọi**: Đề nghị bỏ cụm từ "tính định hướng đến năm 2030".

**4. Về nội dung, định mức và điều kiện hỗ trợ:** Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất các nội dung, định mức, điều kiện hỗ trợ do UBND tỉnh trình tại kỳ họp với các nội dung chính sau:

***- Hỗ trợ phát triển cây cà phê theo hướng cà phê đặc sản, hữu cơ kết hợp trồng xen cây ăn quả:*** Hỗ trợ một lần với mức tối đa 70% chi phí giống và vật tư nông nghiệp thiết yếu; mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/ha đối với hỗ trợ trồng tái canh cà phê và 10 triệu đồng/ha đối với ***việc cải tạo nâng cao hiệu quả vườn cây***. Mỗi năm hỗ trợ tối đa 100 ha cho tổ chức, cá nhân có diện tích cà phê thuộc quy hoạch, kế hoạch tái canh cà phê được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy mô thực hiện tối thiểu 0,5ha. Ưu tiên các tổ chức, cá nhân đang thực hiện chuyển đổi sản xuất cà phê theo hướng hữu cơ, đặc sản, có hợp đồng liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm tối thiểu từ 5 năm trở lên.

***- Hỗ trợ phát triển cây hồ tiêu theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm:*** Hỗ trợ một lần với mức đối đa 50% chi phí giống, vật tư nông nghiệp thiết yếu; mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/ha đối với tái canh, trồng mới hồ tiêu và 10 triệu đồng/ha đối với phục hồi, cải tạo; mỗi năm hỗ trợ tối đa 85 ha. Đối với tổ chức, cá nhân tham gia tái canh, trồng mới hồ tiêu theo hướng hữu cơ phải có diện tích hồ tiêu trong vùng quy hoạch; trồng tập trung với diện tích tối thiểu 0,1 ha đối với cá nhân và 0,5 ha đối với tổ chức; vườn tiêu thoát nước tốt trong mùa mưa. Ưu tiên các tổ chức, cá nhân đang thực hiện chuyển đổi sản xuất hồ tiêu theo hướng hữu cơ, có hợp đồng liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm tối thiểu từ 5 năm trở lên. Đối với tổ chức, cá nhân phục hồi,

cải tạo vườn tiêu nhiễm sâu bệnh, năng suất thấp phải có vườn hồ tiêu đang giai đoạn kinh doanh, trồng tập trung với diện tích tối thiểu 0,1 ha đối với cá nhân và 0,5 ha đối với tổ chức; đã có hệ thống tưới chủ động, có năng suất thấp, bình quân 3 năm liên tục dưới 5 tạ/ha.

***- Hỗ trợ phát triển cây ăn quả theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm:*** Hỗ trợ một lần với mức tối đa 50% chi phí giống, vật tư nông nghiệp thiết yếu, hệ thống tưới tiết kiệm phục vụ sản xuất theo hướng hữu cơ; mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/ha. Mỗi năm hỗ trợ tối đa 50 ha cho tổ chức, cá nhân trồng các loại cây ăn quả gồm cam, bưởi, bơ, chanh leo theo hướng hữu cơ; trồng thành vùng tập trung với diện tích tối thiểu 01 ha; ưu tiên tổ chức, cá nhân đang thực hiện chuyển đổi sản xuất cây ăn quả theo hướng hữu cơ, có hợp đồng liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm tối thiểu từ 5 năm trở lên.

***- Hỗ trợ phát triển cây lúa theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm:*** Hỗ trợ với mức tối đa 50% chi phí giống, vật tư nông nghiệp thiết yếu phục vụ sản xuất lúa theo hướng hữu cơ; mức hỗ trợ tối đa 07 triệu đồng/ha/vụ. Mỗi điểm sản xuất chỉ được hỗ trợ 01 năm với 2 vụ sản xuất liên tục *(Đông Xuân và Hè Thu),* mỗi vụ hỗ trợ tối đa 250 ha cho tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất lúa theo hướng hữu cơ quy mô tập trung tối thiểu 10 ha, ruộng liền vùng, liền khoảnh, chủ động tưới, tiêu; có bản cam kết sản xuất lúa theo quy trình hữu cơ và hợp đồng liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ lúa hữu cơ tối thiểu từ 3 năm trở lên, ưu tiên hỗ trợ cho hợp tác xã tham gia trồng lúa theo hướng hữu cơ và có liên kết theo quy định.

***- Hỗ trợ phát triển vùng sản xuất dược liệu tập trung:*** Hỗ trợ với mức tối đa 50% chi phí giống, vật tư nông nghiệp thiết yếu và hệ thống tưới tiết kiệm; mức hỗ trợ tối đa 60 triệu đồng/ha, mỗi năm hỗ trợ tối đa 40 ha cho tổ chức, cá nhân tham gia trồng các loại cây dược liệu đã được các cơ quan chức năng khẳng định có hiệu quả, có khả năng nhân rộng, có thị trường tiêu thụ ổn định (*như nghệ, chè vằng, sả, cà gai leo, an xoa, dây thìa canh, tràm gió, sâm bố chính, quế);* trồng thành vùng tập trung với diện tích tối thiểu 02 ha. Ưu tiên các tổ chức, cá nhân đang thực hiện chuyển đổi sản xuất dược liệu theo hướng hữu cơ, có hợp đồng liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm tối thiểu từ 5 năm trở lên.

***- Chính sách hỗ trợ phát triển cây dược liệu dưới tán rừng:*** Hỗ trợ với mức tối đa 70% chi phí giống theo định mức kinh tế kỹ thuật mỗi loại cây. Định mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/ha, mỗi năm hỗ trợ tối đa 150 ha cho tổ chức, cá nhân tham gia trồng các loại cây dược liệu dưới tán rừng đã được các cơ quan chức năng khẳng định có hiệu quả *(7 lá 1 hoa, giảo cổ lam, đẳng sâm, sâm cau, lá khôi*), có khả năng nhân rộng, có thị trường tiêu thụ ổn định; có quy mô tập trung liền vùng với diện tích tối thiểu 05 ha. Ưu tiên các tổ chức, cá nhân đang thực hiện chuyển đổi sản xuất dược liệu theo hướng hữu cơ, có hợp đồng liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm tối thiểu từ 5 năm trở lên.

***- Hỗ trợ trồng rừng nguyên liệu chất lượng cao:*** Hỗ trợ 50% chi phí cây giống Keo lai nuôi cấy mô, phân bón. Mỗi tổ chức, cá nhân được hỗ trợ tối đa 5,0 ha; định mức hỗ trợ tối đa 4 triệu đồng/ha; mỗi năm hỗ trợ tối đa 1.000 ha. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ là tổ chức, cá nhân có diện tích trồng rừng liền vùng tối thiểu từ 2 ha trở lên, mật độ trồng 1.660 cây/ha; có cam kết trồng rừng chu kỳ dài từ 8 năm trở lên mới được khai thác; khuyến khích ưu tiên đối với hộ gia đình, cá nhân tham gia hợp tác xã trồng rừng theo chứng chỉ chỉ quản lý rừng bền vững có liên kết với Doanh nghiệp chế biến hoặc tiêu sản phẩm.

***- Chính sách hỗ trợ trồng cỏ, trồng ngô sinh khối làm thức ăn cho bò:*** Hỗ trợ 50% chi phí giống cỏ, ngô sinh khối, vật tư nông nghiệp thiết yếu; mức hỗ trợ tối đa 24 triệu đồng/ha trồng cỏ và 07 triệu đồng/ha trồng ngô sinh khối; mỗi năm hỗ trợ tối đa không quá 20 ha trồng cỏ và 20 ha trồng ngô sinh khối. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ là tổ chức, cá nhân đầu tư chăn nuôi bò đạt quy mô trang trại, có diện tích đất để trồng cỏ, trồng ngô sinh khối nuôi bò từ 1.000$m^2$ trở lên/trang trại.

***- Chính sách hỗ trợ chăn nuôi bò chuyên thịt thâm canh:*** Hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư thiết yếu đối với các mô hình chăn nuôi bò chuyên thịt thâm canh; mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/mô hình; mỗi năm hỗ trợ tối đa 5 mô hình cho tổ chức, cá nhân đầu tư chăn nuôi bò thịt thâm canh, quy mô nuôi tối thiểu từ 10 con bò trở lên; các giống bò được hỗ trợ gồm: nhóm bò Zebu, lai Zebu, giống bò ngoại, lai ngoại chuyên thịt BBB, DroughtMaster, Charolaise và một số giống chất lượng cao khác; giống bò nuôi chuyên thịt thâm canh phải có tỷ lệ máu ngoại đạt từ 50% trở lên.

***- Hỗ trợ mua bình chứa Nitơ lỏng để vận chuyển, bảo quản tinh phối giống nhân tạo gia súc:*** Hỗ trợ 50% giá trị bình chứa Nitơ lỏng dung tích tối thiểu từ 3 lít trở lên cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc; mức hỗ trợ tối đa 4 triệu đồng/1 bình/1 người. Mỗi năm hỗ trợ tối đa 15 bình cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã qua đào tạo, tập huấn có chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận; có nhu cầu, có đơn đăng ký hỗ trợ và được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận; có cam kết bảo quản, sử dụng bình trong thời gian từ 5 năm trở lên. Bình có dung tích tối thiểu từ 3 lít trở lên.

***- Chính sách hỗ trợ thực hiện dự án nuôi tôm công nghệ cao:*** Hỗ trợ 30% chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng *(Hệ thống bể/ao ương, bể/ao nuôi; hệ thống cấp thoát, xử lý nước; hệ thống nhà kính, nhà lưới; hệ thống mái che và hệ thống máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất);* mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án; mỗi năm hỗ trợ tối đa 05 dự án. Đối tượng, điều kiện là hỗ trợ nhân rộng vùng nuôi tập trung, có hiệu quả về kinh tế, đảm bảo về môi trường cho tổ chức, cá nhân đầu tư nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao, có tổng diện tích các ao nuôi tối thiểu 0,3 ha, có dự án đầu tư nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao được

UBND cấp huyện trở lên phê duyệt. Hỗ trợ một lần sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

***- Nhóm chính sách:*** Chứng nhận sản phẩm, xúc tiến thương mại, tín dụng.

**4. Nguồn kinh phí**: 124.450 triệu đồng, trong đó ngân sách tỉnh đảm bảo 70%, tương ứng 87.115 triệu đồng (tương đương 17.423 triệu đồng/năm); ngân sách huyện, thị xã, thành phố cân đối bố trí 30% kinh phí tương ứng 37.335 triệu đồng/năm (tương đương 7.467 triệu đồng/năm).

**5. Kiến nghị:** Sau khi được chủ tọa kết luận, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bằng nghị quyết quy phạm pháp luật để tổ chức thực hiện và thay thế Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 23/5/2017 về hỗ trợ phát triển cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020.

**IV. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025** *(Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 18/11/2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)*

**1. Tính phù hợp và sự cần thiết**

Việc đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025 phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế của địa phương nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực của các tổ chức, cá nhân trong việc ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao; từng bước tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

**2. Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ**

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất các nội dung do Uỷ ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp và đề nghị HĐND tỉnh chỉ thống nhất hỗ trợ cho các mô hình ứng dụng, phát triển và nhân rộng. Không thực hiện hỗ trợ cho các mô hình trình diễn hoặc thử nghiệm. Ưu tiên hỗ trợ các các cơ sở, doanh nghiệp tham gia thực hiện nhân rộng ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong sản xuất và chế biến hàng hóa tập trung.

**3. Về nội dung và mức hỗ trợ:** Thống nhất các mức theo đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp từ nguồn ngân sách tỉnh 15.000 triệu, thời gian thực hiện giai đoạn 2022 - 2026 *(trong giai đoạn 2018-2021 đã thực hiện đã hỗ trợ 4.222,16 triệu đồng)*. Như vậy, tổng kinh phí thực hiện nghị quyết cho

cả giai đoạn 2017 - 2026 là 19.222,16 triệu đồng, giảm gần 5 tỷ đồng so với Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh. Với các nội dung điều chỉnh, bổ sung cơ bản sau:

- Hỗ trợ tối đa 30% tổng mức kinh phí đầu tư và không quá 500 triệu đồng/dự án có ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong sản xuất và chế biến hàng hóa nông lâm, thủy sản; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ tối đa 30% tổng mức kinh phí đầu tư và tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án có ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến (ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, ISO 27000 và các tiêu chuẩn khác) với mức tối đa 30 triệu đồng/doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở: Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn; đánh giá chứng nhận hợp quy với mức: 03 triệu đồng/tiêu chuẩn cơ sở; 05 triệu đồng/sản phẩm chứng nhận hợp chuẩn; 10 triệu đồng/sản phâm chứng nhận hợp quy.

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với mỗi phát minh hoặc sáng chế hoặc giải pháp hữu ích với mức 20 triệu đồng/văn bằng.

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký và được cấp bằng sở hữu công nghiệp đối với mỗi nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp và tối đa không quá 3 nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp/năm/doanh nghiệp, cơ sở với mức 8 triệu đồng/văn bằng.

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký và được cấp văn bằng sở hữu công nghiệp đối với mỗi nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp đăng ký ở nước ngoài với mức hỗ trợ tối đa 40.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ tại các nước ASEAN, 60.000.000 đồng/văn bằng bảo hộ tại các nước khác.

- Hỗ trợ xây dựng, đăng ký và được cấp văn bằng sở hữu công nghiệp đối với mỗi nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận trong nước với mức 50 triệu đồng/văn bằng.

- Hỗ trợ tham gia xét tuyển và được tặng giải thưởng chất lượng, quốc gia, quốc tế với mức: 20 triệu đồng/giải vàng giải thưởng chất lượng quốc gia; 15 triệu đồng/giải bạc giải thưởng chất lượng quốc gia; 30 triệu đồng/giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương (GPEA).

- Hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp được chứng nhận tiêu chuẩn thực hành tốt trồng trọt và thu hái (GACP), tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP) và tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp cho chứng nhận lại; hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp được chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ và tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp cho chứng

nhận lại.

**4. Kiến nghị:** Ban Kinh tế Ngân - sách đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tích hợp các chính sách đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025 và những nội dung sửa đổi, bổ sung theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp để ban hành nghị quyết mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình áp dụng thực hiện.

**Phần 5. Danh mục dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác trong năm 2022** *(Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 19/11/2021 và số 220/TTr-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**1. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục**

Các dự án đề nghị thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất cơ bản thực hiện đúng theo quy định của Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn hiện hành; đã được UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Ban quản lý dự án cấp tỉnh và các sở ngành chuyên đề xuất bằng văn bản, các chủ đầu tư đã cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định.

**2. Nội dung**

Đối với danh mục 36 dự án đề nghị thu hồi đất và 15 dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất tại 02 Tờ trình trên. Sau khi rà soát, đề nghị HĐND tỉnh chỉ chấp thuận chủ trương thu hồi đất với diện tích 108,32 ha của 36 dự án và chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác của 15 dự án, diện tích 16,07 ha *(gồm: 12,27 ha đất trồng lúa; 3,8 ha đất rừng phòng hộ).* Đồng thời đề nghị UBND tỉnh báo cáo tiến độ công tác bàn giao đất, đất có rừng tạm thời đã được HĐND tỉnh thông qua cho các dự án sau khi hoàn thành đi vào hoạt động. Riêng một số dự án cụ thể, Ban kinh tế - ngân sách đề nghị:

- Dự án Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Mạnh Linh (sân sát hạch và đường giao thông) tại Phường 4-Đông Hà với diện tích 3,34 ha. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành qui định danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa và các chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trước khi thực hiện các bước tiếp theo của dự án.

- Dự án Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa (67,65 ha) tại các xã của huyện Hướng Hóa, đề nghị giảm 32,25 ha để phù hợp với nhu cầu thực tế và hồ sơ phê duyệt dự án.

- Dự án Thủy điện bản mới: Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án thu hồi đất tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 với tổng diện tích 16,08 ha tại địa bàn xã Đakrông, huyện Đakrông. Quá trình triển khai công tác thu hồi đất để thực hiện dự án xác định có 4,6 ha trong tổng số 16,08 ha thuộc địa bàn xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa. Để có đủ

điều kiện cho Chủ đầu tư thực hiện dự án, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thu hồi 4,6 ha thuộc địa bàn xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa để bổ sung cho dự án, đồng thời điều chỉnh giảm diện tích 4,6 ha đất năng lượng đã thu hồi ở xã Đakrông, huyện Đakrông tại mục III, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**3. Kiến nghị HĐND tỉnh:** Sau khi UBND có báo cáo bổ sung, được chủ tọa kết luận, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bằng nghị quyết cá biệt để tổ chức thực hiện.

**Phần 6. Chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và điều chỉnh giảm diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh** *(Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 19/11/2021, số 222/TTr-UBND và số 222a/TTr-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện 09 dự án, với tổng diện tích là 75,2334 ha rừng *(RSX 74,1951 ha, RPH 1,0383 ha)* phù hợp với quy định tại Điều 20 của Luật Lâm nghiệp năm 2017; khoản 3 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Lâm nghiệp năm 2017; đã tổ chức lấy ý kiến thống nhất của các cơ quan chuyên môn, chính quyền các cấp về hiện trạng rừng và sử dụng đất trong khu vực dự án; tham vấn ý kiến cộng đồng nơi bị ảnh hưởng bởi dự án; có cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, được Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của UBND tỉnh thẩm định thống nhất. Riêng đối với Dự án Nhà máy sản xuất trang phục lót và hàng thể thao với diện tích 15,8497 ha tại Khu công nghiệp Tây bắc Hồ Xá, UBND tỉnh chỉ đạo thẩm định và hoàn thiện hồ sơ thẩm định chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng quy định trước khi thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định; Dự án Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Mạnh Linh *(sân sát hạch và đường giao thông)* tại Phường 4 - Đông Hà với diện tích 3,2072 ha đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm trước khi ra quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang thực hiện dự án.

Điều chỉnh giảm 11,4177 ha rừng *(trong đó: rừng sản xuất: 2,6242ha; rừng phòng hộ: 8,7935 ha)* trên tổng diện tích 31,895 ha đã chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng quy định tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với 02 Dự án: Nhà máy điện gió Hướng Tân-48MW (giai đoạn 1) với diện tích 6,2754 ha *(rừng sản xuất: 2,6242 ha; rừng phòng hộ: 3,6512 ha)* và Dự án Nhà máy điện gió Tân Linh-48MW (giai đoạn 1) với diện tích 5,1423 ha *(rừng phòng hộ: 5,1423 ha)*. Diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sau điều chỉnh giảm của 02 dự án còn lại là 20,4773 ha.

Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua bằng nghị quyết cá biệt để tổ

chức thực hiện.

**Phần 7. Các dự thảo nghị quyết**

Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh được phân công thẩm tra 14 dự thảo nghị quyết cá biệt, 6 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật. Các nội dung thẩm tra đã nêu tại Báo cáo này, khi được Chủ tọa kỳ họp kết luận thống nhất đề nghị bổ sung vào nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: Ban KTNS, VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH**
**TRƯỞNG BAN**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

**Nguyễn Đăng Ánh**